

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phiếu

Ông Hà Quang Văn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nho Quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn số 33/2024/QĐST-DS ngày 06/9/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị C, sinh năm: 1998; Nơi cư trú: Thôn A, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình

- **Bị đơn:** Anh Lê Văn T sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình

Tại phiên tòa chị C (Có đơn xin xét xử vắng mặt). anh T vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và đơn xin xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 20/4/2017 tại UBND xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói chung, thường xuyên đánh chửi nhau và anh T đi tù từ tháng 6/2022 đến tháng 7/2024 mới về tuy nhiên vợ chồng không ở với nhau chị C sống ở thôn A, V,

còn anh **T** sống với bố mẹ đẻ ở **thôn L, xã S**. Nay chị thấy mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng nên anh chị đã ly thân cho đến nay. Chị **C** thấy cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh **Lê Văn T**.

Về con chung: Chị và anh **T** có 01 con chung là cháu **Lê Minh K** sinh ngày 21/11/2016 hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị **C** có nguyện vọng được nuôi cháu **K** đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và công nợ chung không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị **Hoàng Thị C** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Lê Văn T** vì tình cảm anh chị không còn. Về con chung chị **C** đề nghị được nuôi cháu **Lê Minh K** sinh ngày 21/11/2016 trực tiếp nuôi dưỡng cháu **K** và không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ chung: tự thỏa thuận, không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện như sau:

- Bị đơn anh **T** đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng vẫn không có mặt. Quá trình giải quyết Tòa án đã về làm việc tại gia đình anh **T** thì bố đẻ anh **T** đã có ý kiến trao đổi lại với Tòa án. Anh **T** đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và đã biết việc chị **C** xin ly hôn thì anh **T** có đồng ý ly hôn do đã rất nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được nên anh **T** cũng đồng ý và con chung anh **T** và chị **C** có 01 con chung là cháu **Lê Minh K**. Hiện nay cháu đang ở với mẹ từ bé. Nếu ly hôn thì anh **T** cũng đồng ý giao cháu **K** cho chị **C**

Ngoài ra, anh **Lê Văn T** không có yêu cầu phản tố hay đề nghị gì khác.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 5, Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Thị C**. Xử ly hôn giữa chị **Hoàng Thị C** và anh **Lê Văn T**.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu **Lê Minh K** sinh ngày 21/11/2016 cho chị **Hoàng Thị C** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về án phí: Chị **Hoàng Thị C** phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **Hoàng Thị C** có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải là có căn cứ.

Ngày 19/8/2024 chị **Hoàng Thị C** là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định Điều 227; Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **C**.

- Anh **Lê Văn T** là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **T** theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Chị **Hoàng Thị C** và anh **Lê Văn T** được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/4/2017 tại UBND xã **S**, huyện **N**, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói chung, thường xuyên đánh chửi nhau và anh **T** đi tù từ tháng 6/2022 đến tháng 7/2024 mới về tuy nhiên vợ chồng không ở với nhau chị **C** sống ở **thôn A, V**, còn anh **T** sống với bố mẹ đẻ ở **thôn L, xã S**. Nay chị thấy mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng nên anh chị đã ly thân cho đến nay. Chị **C** thấy cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh **Lê Văn T**. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Lê Văn T** đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng vẫn không có mặt. Tòa án đã tiến hành làm việc tại gia đình anh **T** thì bố đẻ anh **T** đã có ý kiến trao đổi lại với Tòa án như sau:

Anh **T** đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và đã biết việc chị **C** xin ly hôn, anh **Lê Văn T** có nhờ bố đẻ nhận hộ toàn bộ văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ giao cho anh **T**. chị **C** xin ly hôn thì anh **T** có đồng ý ly hôn do đã rất nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được nên anh **T** cũng đồng ý và con chung anh **T** và chị **C** có 01 con chung là cháu **Lê Minh K**. Hiện nay cháu đang ở với mẹ từ bé. Nếu ly hôn thì anh **T** cũng đồng ý giao cháu **K** cho chị **C**. Chính quyền địa phương nơi chị **C** và anh **T** đăng ký kết hôn và cư trú cũng xác nhận. Sau khi đăng ký kết hôn có sinh sống tại **xã S, huyện N**. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị **C** và anh **T** thì địa phương không nắm rõ nhưng thực tế khi sinh sống ở địa phương chị **C**, anh **T** có xảy ra mâu thuẫn, xích mích, cãi chửi xúc phạm lẫn nhau. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị **C**, xử cho chị **Hoàng Thị C** được ly hôn với anh **Lê Văn T** là phù hợp Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị **Hoàng Thị C** và anh **Lê Văn T** có 1 con chung là cháu **Lê Minh K** sinh ngày 21/11/2016. Hiện nay, cháu **K** đang ở với chị **C**. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **K** và anh **T** cũng đồng ý giao cháu **K** cho chị **C** nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. tại Đơn đề nghị của cháu **K** có trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ là chị **C**. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và nguyện vọng được nuôi con của chị **C** là chính đáng và anh **T** đồng ý để chị **C** nuôi con nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cho chị **C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Lê Minh K** đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **C** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị **Hoàng Thị C** chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Xử cho chị **Hoàng Thị C** được ly hôn đối với anh **Lê Văn T**. Quan hệ hôn nhân của chị **Hoàng Thị C** và anh **Lê Văn T** chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu **Lê Minh K** sinh ngày 21/11/2016 cho chị **Hoàng Thị C** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Lê Văn T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

“Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Hoàng Thị C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001338 ngày 18 tháng 7 năm 2024.

5. Án xử công khai sơ thẩm chị **Hoàng Thị C** và anh **Lê Văn T** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND H. NQ;
- Chi cục THA H.NQ;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Thị Thanh Nhân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Thanh N

